TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2022/DS-ST Ngày: 14 – 7 – 2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 746, ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4145, ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào các ngày 10/4/2017, 16/4/2017, 21/4/2017, 30/4/2017, 05/5/2017, 15/5/2017, 27/5/2017, 20/6/2017, 28/6/2017, 02/7/2017, ông Nguyễn Văn H có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho bà Trần Thị Đ để bà Đ làm ruộng, tính đến ngày 02/7/2017 tổng số tiền bà Đ chưa thanh toán cho ông H là 92.871.000 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), tính đến ngày 14/7/2017, bà

Đ đã trả được số tiền 12.871.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) nên còn nợ lại là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Ông H nhiều lần đến gặp bà Đ và yêu cầu trả số tiền còn nợ 80.000.000 đồng nhưng bà Đ không trả.

Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông H yêu cầu bà Đ trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà Đ không có văn bản ghi ý kiến về việc ông H yêu cầu có trách nhiệm trả tiền mua bán phân bón, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn bà Đ chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Đ có địa chỉ tại xã Q, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng. Xét thấy:

Việc thỏa thuận giữa ông H và bà Đ là hoàn toàn tự nguyện. Ông H trình bày,

vào các ngày 10/4/2017, 16/4/2017, 21/4/2017, 30/4/2017, 05/5/2017, 15/5/2017, 27/5/2017, 20/6/2017, 28/6/2017, 02/7/2017, ông H có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho bà Đ để bà Đ làm ruộng, nhưng bà Đ vẫn chưa thanh toán với số tiền tổng cộng là 92.871.000 đồng; từ ngày 02/7/2017 đến nay, bà Đ có trả cho ông H được số tiền là 12.871.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng. Mặt khác, căn cứ Biên nhận nợ đề ngày 20/6/2017 và ngày 14/7/2017 thể hiện nội dung bà Đ còn nợ ông H số tiền mua phân bón là 80.000.000 đồng. Đối với bà Đ, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa bà Đ đều không có ý kiến phản bác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cho nên bà Đ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý là phải có nghĩa vụ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể bà Đ phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H nên bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trần Thị Đ có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua bán tài sản còn nợ là 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Đ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.000.000 đồng.

Trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001399 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ